

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 522/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ C, ấp M, xã M1, thành phố L, tỉnh An Giang.(có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoa M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã M1, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà M tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh A, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 370 ngày

15/5/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không được. Nhận thấy vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Có 01 con chung tên Nguyễn Đan H, sinh ngày 03/3/2003, cháu đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoa M không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn của ông P và bà M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ông P được ly hôn với bà M; Về con chung: Anh Huy đã trưởng thành, ông P không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông P và bà M là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Hôn nhân giữa ông P và bà M xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và Gia đình, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà M, căn cứ để ông yêu cầu do tình cảm không còn, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn cãi vã, trong quá trình tố tụng Tòa án tiến hành hòa giải bà M không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải thể hiện nguyện vọng đoàn tụ. Do đó, đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Có 01 con chung tên Nguyễn Đan H, sinh ngày 03/3/2003, cháu đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên ông không yêu cầu giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông P có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P. Ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoa M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 370 ngày 15/5/1996 do UBND xã M, thành phố L, tỉnh A cấp không còn giá trị pháp lý.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Có 01 con chung tên Nguyễn Đan H, sinh ngày 03/3/2003, cháu đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông P có trách nhiệm nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0001157 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo:

Ông P, bà M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc Việt

